

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 012/VCF/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là ("VCF")

Địa chỉ: Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554

Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm BRCGS số 381A1810005 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ**

**2. Thành phần: 50 % hạt cà phê Robusta, hạt cà phê Arabica**

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.**

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được chứa trong bao bì lon thiếc, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Khối lượng tịnh: 250 g.

- Các lon được đóng vào thùng carton với quy cách: Khối lượng tịnh: 1,5 kg (6 lon x 250 g)

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- D: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- L: Nhà máy cà phê Biên Hòa II - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



*Handwritten signatures in blue ink.*

(Địa chỉ sản xuất được mã hóa thành các ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX – HSD)

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm** (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm cà phê và nhóm thực phẩm đóng hộp khác (đối với Thiếc).
2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm hạt cà phê rang và cà phê bột, không bao gồm cà phê hòa tan (cà phê uống liền).
3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 05 tháng 12 năm 2025



*Nguyễn Công Hoàn*



Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

## Phụ lục

### DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản tự công bố số 012/VCF/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Số TCCS 17:2025/BH106
	CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

**1. Các chỉ tiêu cảm quan:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

- Trạng thái: Dạng bột
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của bột cà phê rang xay
- Mùi: Thơm đặc trưng của bột cà phê rang xay
- Vị: Đặc trưng của bột cà phê rang xay

**2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5,0$
2	Hàm lượng caffeine	% khối lượng	$\geq 1,0$

**3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$10^3$
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$10^4$
3	<i>Salmonella</i>	/25 g	Không phát hiện
4	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	$10^2$

**4. Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê và nhóm thực phẩm đóng hộp khác (đối với Thiếc):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
5	Hàm lượng thiếc (Sn)	mg/kg	250

**5. Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm hạt cà phê rang và cà phê bột, không bao gồm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	5



*Handwritten signature in blue ink.*

Số: **040166** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 39564.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : LÔ ĐẤT SỐ C.I.III - 3+5+7, KHU CÔNG NGHIỆP LONG THÀNH, XÃ AN PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ  
Ngày lấy mẫu : 11/11/2025  
Lượng mẫu : 01 gói x 250 g  
Ngày nhận mẫu : 11/11/2025  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy  
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025-14/11/2025

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Độ ẩm	AOAC 979.12 (a)	2,06	% khối lượng
2	Tro không tan trong HCl	HD.PP.16/TT.LH:2024 (Ref.AOAC 941.12) (a)	Không phát hiện LOQ = 0,1	% khối lượng
3	Cafein	HD.PP.02/TT.SK:2023 (a)	2,16	%

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, không nhãn sản phẩm, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 21/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25-11-2025**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**TS. Nguyễn Đức Thịnh**

Số: 040164 /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 39587.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : LÔ ĐẤT SỐ C.I.III - 3+5+7, KHU CÔNG NGHIỆP LONG THÀNH, XÃ AN PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ  
Ngày lấy mẫu : 11/11/2025  
Lượng mẫu : 01 lon x 250 g  
Ngày nhận mẫu : 11/11/2025  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thủy  
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025-19/11/2025

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

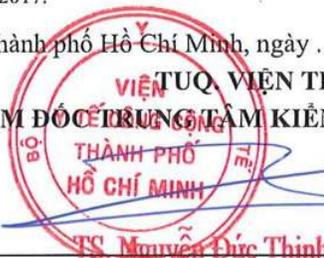
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	< 0,05	mg/kg
5	Thiếc (Sn)	HD.PP.16/TT.AAS:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 2	mg/kg
6	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK:2023 (Ref. AOAC 2004.10) (a)	Không phát hiện LOD = 0,3	µg/kg

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, không nhãn sản phẩm, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 21/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25-11-2025

TUQU VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Số: 040165 /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 39588.25



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : LÔ ĐẤT SỐ C.I.III - 3+5+7, KHU CÔNG NGHIỆP LONG THÀNH, XÃ AN PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ  
Ngày lấy mẫu : 11/11/2025  
Lượng mẫu : 01 lon x 250 g  
Ngày nhận mẫu : 11/11/2025  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Vũ Thị Thanh Thùy  
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2025-19/11/2025

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a)	5,0 x 10 <sup>1</sup>	CFU/g
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a)	< 10	CFU/g
3	<i>Salmonella spp.</i>	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 (a)	Không phát hiện	/25 g
4	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (a)	< 10	CFU/g

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, không nhãn sản phẩm, thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 21/11/2025.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- < 10 CFU/g: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25-11-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG

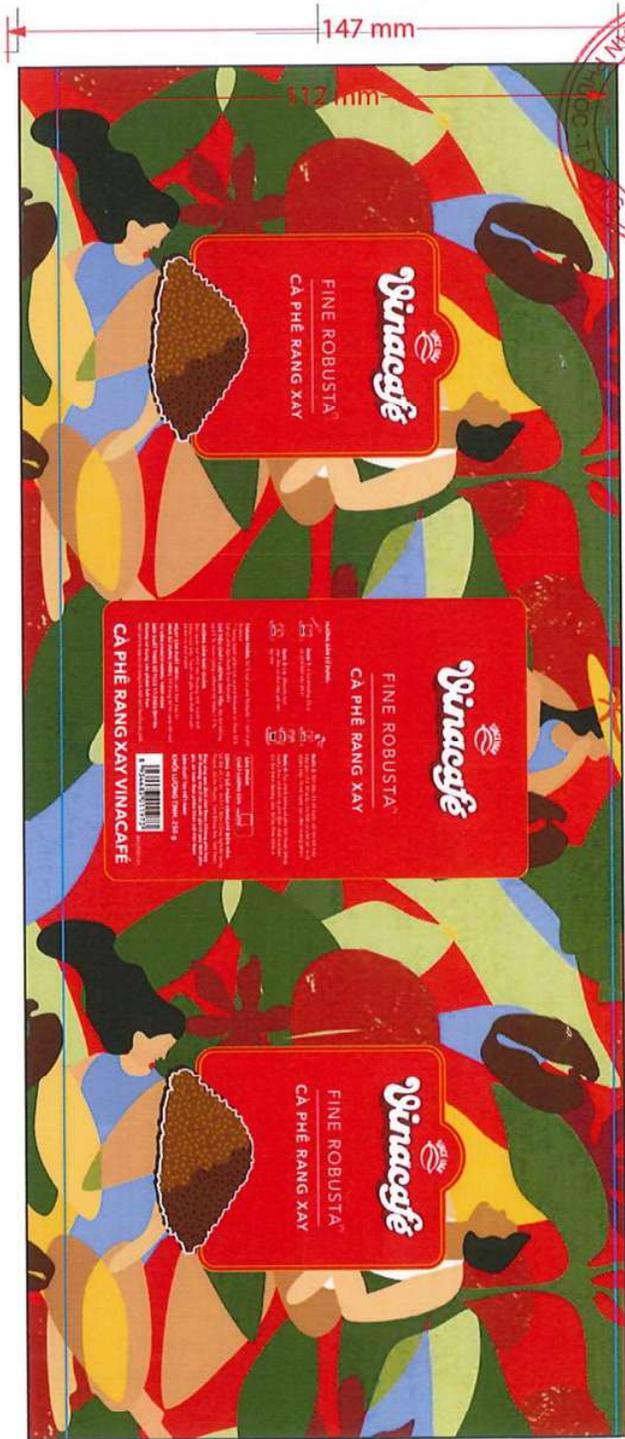
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



91 mm



147 mm

112 mm

279 mm



Mã kiểm soát AW: 17/2025/BH106,BKLO00121

04-12-2025

A blue handwritten signature.



# Vinacafé

## FINE ROBUSTA<sup>(\*)</sup> CÀ PHÊ RANG XAY

**THÀNH PHẦN:** 50 % hạt cà phê Robusta<sup>(\*)</sup>, hạt cà phê Arabica

<sup>(\*)</sup> Trong thành phần hạt cà phê Robusta có chứa 30 % hạt cà phê đạt chuẩn Fine Robusta

**CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU:** Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 1,0 %

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:**

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

**NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** xem trên bao bì

**HẠN SỬ DỤNG (HSD):** 09 tháng kể từ ngày sản xuất

**TƯ VẤN KHÁCH HÀNG:** 1800 6068

**SẢN XUẤT THEO SỐ TCCS 17:2025/BH106**

**Không sử dụng sản phẩm hết hạn**

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:**



**Bước 1:** Cho khoảng 25 g cà phê bột vào phin



**Bước 2:** Lắc đều cho bột dàn đều và cho nắp gai vào ếp nhẹ



**Bước 3:** Rót đều 30 ml nước sôi lên bề mặt nắp gai, chờ 30 giây cho bột cà phê nở ra và chầm tiếp 70 ml nước sôi (đèn miêng phin)



**Bước 4:** Tùy chỉnh lượng cà phê bột (hoặc lượng nước) theo sở thích cà phê đậm nhạt của bạn. Có thể thêm đường, sữa, đá tùy theo khẩu vị

## CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ



ĐY RIEM

**SẢN PHẨM  
CHẤT LƯỢNG CỦA**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phù hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phù gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam**

**SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM**

**KHỐI LƯỢNG TÍNH: 250 g**



8 934683 011973

BKLO00121



Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn

Mã kiểm soát AW: 17/2025/BH106, BKLO00121

04-12-2025

30

288

288

194



Mã kiểm soát AW: 17/2025/BH106.BGTFO0681

04-12-2025

## HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

**NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** xem trên bao bì  
**HẠN SỬ DỤNG (HSD):** 09 tháng kể từ ngày sản xuất

## SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Lô đất số C.I.III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



## CÀ PHÊ RANG XAY VINACAFÉ

**TỰ VẤN KHÁCH HÀNG: 1800 6068**

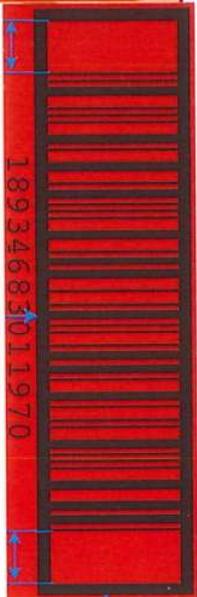
Đáp ứng quy định Việt Nam. Không phụ hợp để thương mại ở các quốc gia có quy định phụ gia, an toàn thực phẩm khác với Việt Nam

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

## SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

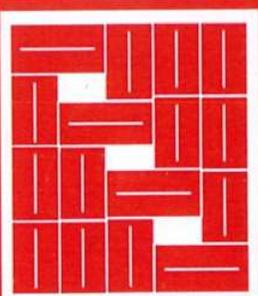
(\*) Trong thành phần hạt cà phê Robusta có chứa 30 % hạt cà phê đạt chuẩn Fine Robusta

**KHỐI LƯỢNG TÍNH:**  
1,5 kg (6 lon x 250 g)

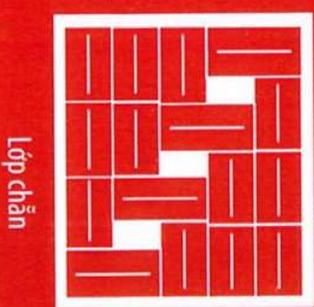


**BGTF00681**

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn



Quy cách xếp pallet  
16 thùng x 8 lớp  
Pallet: 1,2 m x 1 m



Mã kiểm soát AW: 17/2025/BH106.BGTF00681

04 -12- 2025